

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỔ TAY HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
2019

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỔ TAY HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Lời tựa | |
| PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG | 1 |
| 1. Khái niệm và phân loại nhãn hiệu..... | 1 |
| 2. Lợi ích của việc đăng ký nhãn hiệu | 2 |
| 3. Điều kiện bảo hộ của nhãn hiệu | 3 |
| 4. Quyền đăng ký nhãn hiệu | 6 |
| 4.1 Quyền đăng ký nhãn hiệu thông thường..... | 7 |
| 4.2 Quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể | 7 |
| 5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu | 7 |
| 5.1 Thời hạn hiệu lực | 7 |
| 5.2 Lãnh thổ hiệu lực..... | 8 |
| 6. Pháp luật về đăng ký nhãn hiệu | 9 |
| 6.1 Văn bản quy phạm pháp luật..... | 9 |
| 6.2 Văn bản về cách hiểu và áp dụng pháp luật | 9 |
| PHẦN 2 THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU..... | 10 |
| 1. Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu | 10 |
| 1.1 Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu gồm 01 bộ tài liệu sau đây:..... | 10 |
| 1.2 Yêu cầu đối với tài liệu đơn:..... | 11 |
| 2. Cách điền Tờ khai đăng ký nhãn hiệu | 12 |
| 2.1 Ô số ① Nhãn hiệu | 12 |
| 2.2 Ô số ② Chủ đơn..... | 13 |
| 2.3 Ô số ③ Đại diện của chủ đơn | 13 |

| | |
|---|-----------|
| 2.4 Ô số ④ | 14 |
| 2.5 Ô số ⑤ Phí và lệ phí..... | 14 |
| 2.6 Ô số ⑥ Các tài liệu có trong đơn | 14 |
| 2.7 Ô số ⑦ Danh mục các hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu | 14 |
| 2.8 Ô số ⑧ Đặc tính của hàng hoá, dịch vụ được chứng nhận bởi nhãn hiệu(dành cho nhãn hiệu chứng nhận)..... | 14 |
| 2.9 Ô ⑨ Cam kết của chủ đơn | 15 |
| 3. Phí và lệ phí đăng ký nhãn hiệu..... | 15 |
| 4. Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu | 15 |
| 4.1 Nơi tiếp nhận đơn | 15 |
| 4.2 Cách thức nộp đơn..... | 16 |
| PHẦN 3 THEO ĐUỔI ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU TRONG QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN..... | 17 |
| 1. Thẩm định hình thức | 17 |
| 1.1 Thời gian thẩm định hình thức..... | 17 |
| 1.2 Theo đuổi đơn không hợp lệ về hình thức | 17 |
| 2. Công bố đơn | 17 |
| 2.1 Thời gian công bố đơn..... | 17 |
| 2.2 Khả năng bị phản đối và theo đuổi đơn bị phản đối..... | 18 |
| 3. Thẩm định nội dung | 18 |
| 3.1 Thời gian thẩm định nội dung..... | 18 |
| 3.2 Theo đuổi đơn sau khi có kết quả thẩm định nội dung . | 18 |
| 4. Khiếu nại, khởi kiện quyết định về đăng ký nhãn hiệu..... | 19 |
| 4.1 Quyền khiếu nại, khởi kiện của người nộp đơn..... | 19 |

| | |
|---|-----------|
| 4.2 Quyền khiếu nại của người có quyền và lợi ích liên quan | 20 |
| 4.3 Thẩm quyền giải quyết khiếu nại | 20 |
| 4.4. Khởi kiện tại Tòa Hành chính | 20 |
| 4.5 Theo đuổi đơn đăng ký nhãn hiệu trong trường hợp có đơn khiếu nại, khởi kiện của người khác | 21 |
| 5. Nâng cao khả năng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu | 21 |
| 5.1 Thiết kế và lựa chọn nhãn hiệu | 21 |
| 5.2 Tra cứu thông tin nhãn hiệu | 22 |
| 5.3 Cơ quan hướng dẫn tra cứu và nộp đơn | 22 |
| SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU | 23 |
| PHỤ LỤC- Mẫu số A-04-NH | 24 |
| PHỤ LỤC - Mẫu số B-01-SĐĐ | 29 |
| PHÍ VÀ LỆ PHÍ PHẢI NỘP CÙNG VỚI ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU | 33 |
| PHÍ VÀ LỆ PHÍ YÊU CẦU SỬA ĐỔI, CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN | 34 |
| PHÍ VÀ LỆ PHÍ PHẢI NỘP ĐỂ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN | 35 |

LỜI TỰA

Nhãn hiệu là công cụ tiếp thị không thể thiếu trong bối cảnh toàn cầu hóa hoạt động thương mại hiện nay của các doanh nghiệp. Không chỉ tạo ưu thế cạnh tranh trên thị trường, nhãn hiệu còn giữ vai trò quan trọng trong việc khẳng định uy tín của Doanh nghiệp đối với người tiêu dùng. Vì vậy, cần bảo đảm rằng, một nhãn hiệu khi đưa ra thị trường phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện để có thể bảo hộ một cách hữu hiệu, tránh được các rủi ro và phát triển tốt nhất trong tương lai.

Nhằm giúp Doanh nghiệp có thể đăng ký nhãn hiệu một cách nhanh chóng và hiệu quả, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản cuốn ***Sổ tay Hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu*** để hỗ trợ Doanh nghiệp tìm hiểu nhanh nhất các thủ tục đăng ký, quy trình thẩm định đơn và những lưu ý quan trọng để nâng cao khả năng được cấp Giấy chứng nhận.

Trong quá trình lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu, nếu gặp khó khăn vướng mắc các doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để được giải đáp và hướng dẫn chi tiết./.

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Khái niệm nhãn hiệu

- Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

- Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu của một tổ chức tập thể mà các doanh nghiệp thành viên dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp không thuộc tổ chức tập thể đó.

- Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu của tổ chức có chức năng kiểm soát và chứng nhận đặc tính nhất định của hàng hóa, dịch vụ. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ mang đặc tính đó được chủ nhãn hiệu cho phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

- Nhãn hiệu liên kết là những nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với nhau dùng cho hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự với nhau, thuộc về cùng một chủ sở hữu.

Nhãn hiệu hình:



Nhãn hiệu chữ:

DUYTAN[®]
PLASTICS

Nhãn hiệu kết hợp hình và chữ:



Vietcombank

Hình nhãn hiệu tập thể:



Hình nhãn hiệu chứng nhận



2. Lợi ích của việc đăng ký nhãn hiệu

Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu là việc **KHÔNG** bắt buộc, **NHUNG** cần thiết.

Đăng ký nhãn hiệu là để:

- Xác lập quyền sở hữu đối với nhãn hiệu.
- Được pháp luật bảo vệ.
- Được độc quyền sử dụng.
- Tránh việc bị người khác lợi dụng, đánh cắp.
- Tránh xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của người khác.
- Là cơ sở cho việc khai thác, sử dụng, chuyển giao nhãn hiệu.

3. Điều kiện bảo hộ của nhãn hiệu

3.1. Nhãn hiệu phải được cấu thành từ những dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, chữ số, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh hai chiều hoặc ba chiều hoặc sự kết hợp giữa các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc một số màu sắc nhất định.

3.2. Nhãn hiệu không được bảo hộ nếu là các dấu hiệu sau đây:

- Màu sắc, trừ trường hợp màu sắc được kết hợp với chữ hoặc hình và màu sắc thể hiện thành chữ hoặc hình;
- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình quốc kỳ, quốc huy của các nước; biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội của Việt Nam và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép; tên thật, biệt hiệu, bút danh, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam, của nước ngoài; dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành của tổ

chức quốc tế mà tổ chức đó có yêu cầu không được sử dụng, trừ trường hợp chính tổ chức này đăng ký các dấu đó làm nhãn hiệu chứng nhận;



- Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối về các đặc tính của hàng hoá, dịch vụ.

SẢN XUẤT TẠI CHÂU ÂU

(Đối với hàng hóa sản xuất ngoài Châu Âu)

MADE IN U.S.A

(Đối với hàng hóa sản xuất ngoài nước Mỹ)

- Dấu hiệu trái với trật tự xã hội, có hại cho an ninh quốc gia.



3.3 Nhãn hiệu phải có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác, cụ thể là không thuộc các trường hợp sau đây:

(i) Không dễ nhận biết và ghi nhớ, ví dụ các hình và hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu;

(ii) Mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, chủ thể kinh doanh:

- Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hoá, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến;

- Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu;

- Dấu hiệu mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh của chủ thể kinh doanh;

- Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật SHTT;

(iii) Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu có trước của người khác:

- Nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn, kể cả khi đăng ký đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng trong thời gian 5 năm liên tục;

- Nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước;

- Nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng;

(iv) Xung đột với quyền sở hữu trí tuệ có trước của người khác:

- Trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;

- Trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hoá;

- Trùng với chỉ dẫn địa lý hoặc có chứa chỉ dẫn địa lý hoặc được dịch nghĩa, phiên âm từ chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho rượu vang, rượu mạnh nếu dấu hiệu được đăng ký để sử dụng cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó;

- Trùng hoặc không khác biệt đáng kể với kiểu dáng công nghiệp của người khác được bảo hộ trên cơ sở đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn so với ngày nộp đơn, ngày ưu tiên của đơn đăng ký nhãn hiệu.

4. Quyền đăng ký nhãn hiệu

Mọi chủ thể kinh doanh hợp pháp, bao gồm các loại hình

công ty, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã... (trong tài liệu này gọi chung là “doanh nghiệp”) đều có quyền đăng ký nhãn hiệu.

4.1 Quyền đăng ký nhãn hiệu thông thường

- Doanh nghiệp sản xuất, thương mại có quyền đăng ký nhãn hiệu cho hàng hóa do mình sản xuất hoặc dịch vụ do mình cung cấp.

- Doanh nghiệp thương mại có quyền đăng ký nhãn hiệu cho hàng hóa mà mình bán nhưng của doanh nghiệp khác sản xuất, với điều kiện người sản xuất không sử dụng và không phản đối việc đăng ký nhãn hiệu đó.

4.2 Quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể

- Các tổ chức tập thể được thành lập hợp pháp có từ 2 thành viên trở lên, mỗi thành viên có hoạt động sản xuất, kinh doanh độc lập, có hàng hóa, dịch vụ riêng (liên minh hợp tác xã, hợp tác xã, hội, nhóm công ty, tập đoàn...) có quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể để các doanh nghiệp thành viên sử dụng cho hàng hóa, dịch vụ của mình;

- Tổ chức có chức năng kiểm soát và chứng nhận đặc tính (chất lượng, xuất xứ...) của hàng hóa, dịch vụ có quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận để cấp phép cho các doanh nghiệp khác sử dụng nhãn hiệu.

5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

5.1 Thời hạn hiệu lực

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều

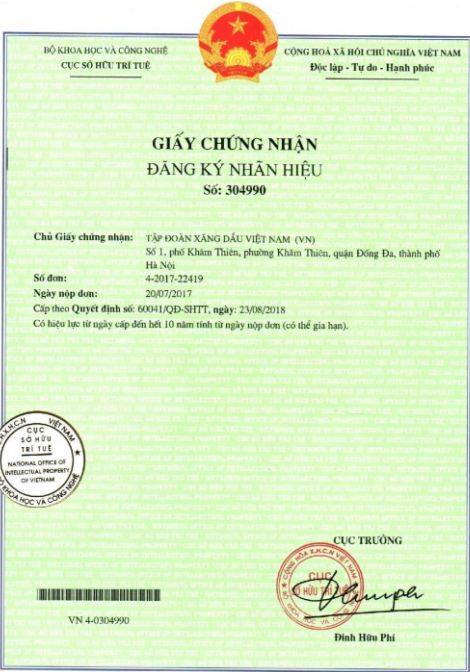
lần liên tiếp, mỗi lần 10 năm.

5.2 Lãnh thổ hiệu lực

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam và chỉ có hiệu lực ở tại Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ở các quốc gia khác không có hiệu lực tại Việt Nam.

Muốn được bảo hộ nhãn hiệu ở quốc gia nào, doanh nghiệp phải đăng ký nhãn hiệu theo quy định pháp luật của quốc gia đó.



ĐỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**
Số: 304990

Chủ Giấy chứng nhận: TẬP ĐOÀN XANG DẦU VIỆT NAM (VN)
Số 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số đơn: 4-2017-22419
Ngày nộp đơn: 20/07/2017
Cấp theo Quyết định số: 60041/QĐ-SHIT, ngày: 23/08/2018
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
NATIONAL OFFICE OF
INTELLECTUAL PROPERTY
OF VIETNAM

CỤC TRƯỞNG
Đinh Hữu Phi

VN 4-0304990

6. Pháp luật về đăng ký nhãn hiệu

6.1 Văn bản quy phạm pháp luật

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi năm 2009.
- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006

của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP.

- Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung theo các Thông tư số 13/2010/TT-BKHHCN, 18/2011/TT-BKHHCN, 05/2013/TT-BKHHCN và 16/2016/TT-BKHHCN.

- Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí sở hữu công nghiệp.

6.2 Văn bản về cách hiểu và áp dụng pháp luật

Cách hiểu và áp dụng pháp luật về đăng ký nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ ban hành trong Quy chế thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu và các Thông báo về việc thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật, đăng tải trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ <http://www.noip.gov.vn>

PHẦN 2

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

1. Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu

1.1 Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

(i) Tờ khai đăng ký có dán nhãn hiệu đăng ký và liệt kê danh mục sản phẩm, dịch vụ cần đăng ký (02 bản)

(ii) Nhãn hiệu, khổ 80mm x 80mm (5 mẫu)

(iii) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

(iv) Các tài liệu riêng đối với đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận bao gồm:

- Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận;

- Bản thuyết minh về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang nhãn hiệu, trong trường hợp đăng ký nhãn hiệu tập thể dùng cho sản phẩm có tính chất đặc thù; hoặc nhãn hiệu chứng nhận chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của sản phẩm;

- Bản đồ khu vực địa lý, trong trường hợp đăng ký nhãn hiệu chứng nhận nguồn gốc địa lý của sản phẩm, hoặc nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép sử dụng

địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương để đăng ký nhãn hiệu, trong trường hợp đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương.

(v) Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua đại diện;

(vi) Tài liệu xác nhận quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đăng ký của người khác (chứng nhận thừa kế; chứng nhận hoặc thoả thuận chuyển giao quyền nộp đơn, kể cả chuyển giao đơn đã nộp; hợp đồng giao việc hoặc hợp đồng lao động...);

(vii) Tài liệu chứng minh cơ sở hưởng quyền ưu tiên: Bản sao đơn (các đơn) đăng ký nhãn hiệu đầu tiên; Phần xác nhận của cơ quan nhận đơn đối với bản sao đơn (các đơn) đầu tiên; danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc đơn đăng ký nhãn hiệu đầu tiên; giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên, nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.

(viii) Các tài liệu khác để bổ trợ cho đơn.

1.2 Yêu cầu đối với tài liệu đơn:

Các tài liệu (i) và (ii) là tài liệu tối thiểu để đơn được tiếp nhận; Các tài liệu khác có thể nộp muộn hơn theo quy định về bổ sung tài liệu đơn.

Tài liệu đơn phải làm bằng tiếng Việt. Các tài liệu từ (iv) đến (viii) có thể được làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt, nhưng phải dịch ra tiếng Việt, trừ bản sao đơn đầu tiên và tài liệu (viii) nếu Cục Sở hữu trí tuệ không yêu cầu.

- Các tài liệu phải làm theo mẫu nếu có quy định. Các mẫu Tờ khai do Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp trên trang tin điện tử

<http://www.noip.gov.vn> và có tại Phụ lục của Sổ tay này. Doanh nghiệp cần điền đầy đủ thông tin vào các ô trong Tờ khai.

2. Cách điền Tờ khai đăng ký nhãn hiệu

2.1 Ô số ① Nhãn hiệu

Thể hiện nhãn hiệu cần đăng ký

- Mẫu nhãn hiệu: Mẫu nhãn hiệu phải được trình bày rõ ràng, đúng màu sắc yêu cầu bảo hộ, hoặc dưới dạng đen trắng nếu không yêu cầu bảo hộ màu sắc và với kích thước mỗi chiều không lớn hơn 80mm và không nhỏ hơn 30 mm, gắn (dán hoặc in) vào ô vuông 80mm x 80mm in trên tờ khai;

Đối với nhãn hiệu ba chiều thì mẫu nhãn hiệu là ảnh chụp hoặc hình vẽ phối cảnh và có thể kèm theo hình chiếu.

- Loại nhãn hiệu: Đánh dấu **x** vào ô vuông tương ứng nếu muốn đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, hoặc nhãn hiệu liên kết. Đối với nhãn hiệu liên kết, người nộp đơn phải chỉ rõ các yếu tố liên kết về nhãn hiệu hoặc về hàng hoá, dịch vụ; nếu không chỉ rõ thì nhãn hiệu được thẩm định như đối với nhãn hiệu thông thường.

- Mô tả nhãn hiệu: Nếu nhãn hiệu được cấu thành từ nhiều yếu tố thì phải chỉ rõ các yếu tố cấu thành và sự kết hợp giữa các yếu tố đó; nếu nhãn hiệu chứa yếu tố hình thì phải nêu rõ nội dung và ý nghĩa của yếu tố hình;

Nếu nhãn hiệu màu thì phải nêu rõ yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu màu và nêu tên màu sắc thể hiện trên nhãn hiệu;

Nếu nhãn hiệu có chứa các chữ, từ ngữ không phải là tiếng Việt thì phải phiên âm và dịch nghĩa (nếu có nghĩa) ra tiếng Việt;

Nếu nhãn hiệu có chứa chữ số không phải là chữ số Ả-rập

hoặc chữ số La-mã thì phải dịch ra chữ số Ả-rập.

2.2 Ô số @ Chủ đơn

Chủ đơn là chủ thể đứng tên người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, để trở thành chủ nhãn hiệu.

Doanh nghiệp đứng tên nộp đơn theo tên và địa chỉ của doanh nghiệp được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh cá thể/ Giấy chứng nhận đăng ký Đầu tư.

2.3 Ô số @ Đại diện của chủ đơn

- Đại diện theo pháp luật của chủ đơn:

Trường hợp chủ đơn là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, cá nhân thực hiện giao dịch nhân danh doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (người đứng đầu) hoặc người được người đại diện theo pháp luật đó ủy quyền (cấp phó, hoặc cấp dưới).

Trường hợp chủ đơn là hộ kinh doanh cá thể, cá nhân thực hiện giao dịch nhân danh hộ kinh doanh cá thể là chủ hộ hoặc người được chủ hộ ủy quyền, được ghi nhận trong Giấy đăng ký hộ kinh doanh cá thể.

- Tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của chủ đơn.

Cá nhân thực hiện giao dịch nhân danh Tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền đại diện cho Tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp, đồng thời là Người đại diện sở hữu công nghiệp (có Chứng chỉ hành nghề).

- Người khác được ủy quyền của chủ đơn

Cá nhân thực hiện giao dịch nhân danh chủ đơn là cá nhân, được chủ đơn ủy quyền đại diện theo quan hệ dân sự không nhằm mục đích kinh doanh.

2.4 Ô số ④

Trường hợp có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở đơn nộp đầu tiên thì phải điền đầy đủ thông tin về căn cứ hưởng quyền ưu tiên và thông số về đơn nộp đầu tiên.

2.5 Ô số ⑤ *Phí và lệ phí*

Cần xác định số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ và số lượng sản phẩm, dịch vụ trong mỗi nhóm để tính phí chính xác, đặc biệt là trong trường hợp nộp phí và lệ phí qua bưu điện hoặc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ.

2.6 Ô số ⑥ *Các tài liệu có trong đơn*

Đánh dấu x vào ô tương ứng với loại tài liệu có trong đơn.

2.7 Ô số ⑦ *Danh mục các hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu*

Liệt kê sản phẩm, dịch vụ cần đăng ký và phân nhóm theo Bảng phân loại quốc tế các hàng hóa, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ được Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp và trang tin điện tử <http://www.noip.gov.vn>. Nếu không phân loại hoặc phân loại không chính xác thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ phân loại và người nộp đơn phải nộp phí dịch vụ phân loại theo quy định.

2.8 Ô số ⑧ *Đặc tính của hàng hoá, dịch vụ được chứng nhận bởi nhãn hiệu* (dành cho nhãn hiệu chứng nhận)

Mô tả ngắn gọn các đặc tính sau:

- Nguồn gốc địa lý: các đặc tính về xuất xứ

- Chất lượng: độ chính xác, độ an toàn...
- Các đặc tính khác: nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hoá, cách thức cung cấp dịch vụ...

2.9 Ô ⑩ Cam kết của chủ đơn

Cá nhân thực hiện giao dịch nhân danh chủ đơn hoặc đại diện của chủ đơn (như hướng dẫn về ô số ⑩ tại mục 2.3 trên đây) điền họ và tên, chức danh (nếu có) và ký tên vào ô số ⑩ trên mỗi trang của Tờ khai.

Chủ đơn hoặc đại diện của chủ đơn là pháp nhân hoặc tổ chức có con dấu thì phải đóng dấu.

3. Phí và lệ phí đăng ký nhãn hiệu

Phí và lệ phí phải nộp cùng với đơn đăng ký nhãn hiệu (xem bảng Phụ lục).

4. Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu

4.1 Nơi tiếp nhận đơn

Đơn có thể được nộp trực tiếp tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc qua bưu điện theo các địa chỉ sau:

- Cục Sở hữu trí tuệ

Địa chỉ: 386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 38583069.

- Văn phòng Đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 17-19 Tôn Thất Tùng, Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 3920 8483.

- Văn phòng Đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại TP Đà Nẵng

Địa chỉ: 135 Minh Mạng, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: (023) 63889955.

- Đơn cũng có thể nộp trực tuyến qua Hệ thống tiếp nhận

đơn trực tuyến của Cục sở hữu trí tuệ <http://dvctt.noip.gov.vn>. Tuy nhiên, đối với đơn nộp trực tuyến, việc nộp phí và lệ phí và việc nhận kết quả xử lý đơn được thực hiện trực tiếp tại các điểm tiếp nhận đơn nêu tại điểm 4.1 trên đây.

4.2 Cách thức nộp đơn

- Doanh nghiệp Việt Nam, kể cả doanh nghiệp nước ngoài được thành lập theo pháp luật của Việt Nam có thể lựa chọn tự mình nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn đăng ký nhãn hiệu thông qua cơ sở đó, Văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn đăng ký nhãn hiệu thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

Danh sách các Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đủ điều kiện hành nghề được đăng tải trên trang tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ <http://www.noip.gov.vn>.

PHẦN 3

THEO ĐUỔI ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU TRONG QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN

1. Thẩm định hình thức

1.1 Thời gian thẩm định hình thức

Đơn đăng ký nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ thẩm định hình thức trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn.

Người nộp đơn sẽ được thông báo kết quả thẩm định hình thức, trong đó kết luận đơn có hợp lệ hay không.

1.2 Theo đuổi đơn không hợp lệ về hình thức

Trong trường hợp đơn không hợp lệ, người nộp đơn cần khắc phục thiếu sót của đơn, hoặc đưa ra ý kiến phản đối dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ nêu trong Thông báo.

Thời hạn phản hồi thông báo là 02 tháng kể từ ngày ký Thông báo, có thể yêu cầu gia hạn thêm 02 tháng với điều kiện phải nộp phí gia hạn.

2. Công bố đơn

2.1 Thời gian công bố đơn

Đơn đăng ký nhãn hiệu hợp lệ được Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ: Thông tin cơ bản về đơn công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp; Các thông tin chi tiết về bản chất nhãn hiệu trong đơn được Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp cho người có yêu cầu tiếp cận thông tin.

2.2 Khả năng bị phản đối và theo đuổi đơn bị phản đối

Việc công bố đơn sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác phản đối đơn nếu người phản đối có cơ sở cho rằng nhãn hiệu trong đơn không đáp ứng điều kiện bảo hộ, phổ biến nhất là trường hợp nhãn hiệu xung đột với lợi ích của người phản đối liên quan đến nhãn hiệu, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp có trước của họ.

Người nộp đơn sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo về ý kiến phản đối đơn và có cơ hội nêu ý kiến về nội dung phản đối để bảo vệ đơn của mình. Người nộp đơn cũng có thể đàm phán với người phản đối để giải quyết xung đột.

Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét ý kiến của cả hai bên để xử lý đơn đăng ký nhãn hiệu.

3. Thẩm định nội dung

3.1 Thời gian thẩm định nội dung

Đơn hợp lệ được thẩm định nội dung trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày công bố đơn. Người nộp đơn sẽ được thông báo kết quả thẩm định nội dung, trong đó kết luận nhãn hiệu có đáp ứng các điều kiện bảo hộ hay không và đơn có đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên hay không.

3.2 Theo đuổi đơn sau khi có kết quả thẩm định nội dung

(i) Trường hợp nhãn hiệu đáp ứng điều kiện bảo hộ, Thông báo kết quả thẩm định nội dung sẽ nêu dự định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và các khoản phí và lệ phí tương ứng phải nộp.

Để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn phải nộp các khoản phí và lệ phí trong thời hạn nêu

trong thông báo.

(ii) Trường hợp nhãn hiệu không đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc còn có thiếu sót, Thông báo kết quả thẩm định nội dung sẽ nêu dự định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu thiếu sót của đơn, các điều kiện bảo hộ mà nhãn hiệu không đáp ứng và có thể nêu cả hướng dẫn cách sửa đổi (thu hẹp) phạm vi bảo hộ để nhãn hiệu đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Người nộp đơn cần khắc phục thiếu sót của đơn, sửa đổi phạm vi bảo hộ hoặc đưa ra ý kiến phản đối dự định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nêu trong Thông báo. Thời hạn phản hồi thông báo là 03 tháng kể từ ngày ký Thông báo, có thể yêu cầu gia hạn thêm 03 tháng với điều kiện phải nộp phí gia hạn.

- Nếu người nộp đơn khắc phục được thiếu sót, sửa đổi phạm vi bảo hộ đạt yêu cầu hoặc có ý kiến xác đáng phản đối dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ người nộp đơn sẽ được nhận Thông báo kết quả thẩm định nội dung lần thứ hai, trong đó nêu dự định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và các khoản phí và lệ phí tương ứng phải nộp.

- Nếu người nộp đơn không khắc phục được thiếu sót, không sửa đổi phạm vi bảo hộ đạt yêu cầu và không có ý kiến xác đáng phản đối dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ, thì người nộp đơn sẽ được Thông báo về Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

4. Khiếu nại, khởi kiện quyết định về đăng ký nhãn hiệu

4.1 Quyền khiếu nại, khởi kiện của người nộp đơn

Trong trường hợp đơn đăng ký nhãn hiệu bị từ chối chấp

nhận đơn hợp lệ hoặc bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn có quyền khiếu nại nếu có cơ sở cho rằng quyết định từ chối của Cục Sở hữu Trí tuệ trái với quy định pháp luật.

4.2 Quyền khiếu nại của người có quyền và lợi ích liên quan

Trong trường hợp đơn đăng ký nhãn hiệu được chấp nhận là đơn hợp lệ và trường hợp bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, bất kỳ người nào có quyền và lợi ích liên quan, điển hình là chủ sở hữu nhãn hiệu xung đột, có quyền khiếu nại nếu có cơ sở cho rằng quyết định của Cục Sở hữu Trí tuệ trái với quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ.

4.3 Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

Khiếu nại được thụ lý và giải quyết ở hai cấp: khiếu nại lần đầu với Cục trưởng Cục Sở hữu Trí tuệ và khiếu nại lần thứ hai với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thời hiệu khiếu nại ở mỗi cấp là 03 tháng.

4.4. Khởi kiện tại Tòa Hành chính

Người nộp đơn cũng như người có quyền và lợi ích liên quan nêu tại mục 4.1 và 4.2 trên đây có quyền khởi kiện quyết định của Cục Sở hữu Trí tuệ ra Tòa hành chính, dù chưa nộp hay đã nộp đơn khiếu nại. Tuy nhiên, nếu người nộp đơn đã nộp cả đơn khiếu nại và đơn khởi kiện thì sẽ phải lựa chọn một trong hai đơn và chỉ có đơn được lựa chọn mới được giải quyết.

Thời hiệu khởi kiện là 01 năm (kể từ ngày biết được quyết định của Cục Sở hữu Trí tuệ; hoặc từ ngày biết được quyết định giải quyết khiếu nại; hoặc từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu

nại mà đơn khiếu nại không được giải quyết).

4.5 Theo đuổi đơn đăng ký nhãn hiệu trong trường hợp có đơn khiếu nại, khởi kiện của người khác

Người nộp đơn sẽ trở thành người có quyền và lợi ích liên quan trong vụ khiếu nại, khởi kiện các quyết định chấp nhận đơn hợp lệ và quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu. Do đó, khi được cơ quan giải quyết khiếu nại và tòa án yêu cầu, người nộp đơn cần nghiên cứu lý do, lập luận, chứng cứ khiếu nại, khởi kiện để cung cấp lập luận, chứng cứ phản bác nội dung khiếu nại, khởi kiện nhằm bảo vệ quyền lợi của mình.

5. Nâng cao khả năng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

5.1 Thiết kế và lựa chọn nhãn hiệu

- Nhãn hiệu nên là các dấu hiệu dễ ghi nhớ, dễ nhận biết, dễ phát âm.

- Nhãn hiệu nên được trình bày một cách độc đáo, ấn tượng, không nên chọn những hình ảnh cầu kỳ, phức tạp và quá nhiều màu sắc.

- Không chọn nhãn hiệu là các dấu hiệu không được bảo hộ tại mục 3.2 và các dấu hiệu không có khả năng phân biệt tại mục 3.3 Phần 1.

- Để tránh xung đột với nhãn hiệu có trước của người khác nêu tại mục 3.3(iii) và mục 3.3 (iv) Phần 1, doanh nghiệp nên tra cứu thông tin nhãn hiệu trước khi đăng ký.

- Nên tham vấn ý kiến chuyên gia trước khi quyết định lựa chọn nhãn hiệu.

5.2 Tra cứu thông tin nhãn hiệu

Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin nhãn hiệu tại các trang web sau:

www.noip.gov.vn

www.ipplatform.vipri.gov.vn

5.3 Cơ quan hướng dẫn tra cứu và nộp đơn

Để được hỗ trợ hướng dẫn về thủ tục tra cứu, nộp đơn hoặc các thủ tục khác liên quan đến nhãn hiệu, vui lòng liên hệ:

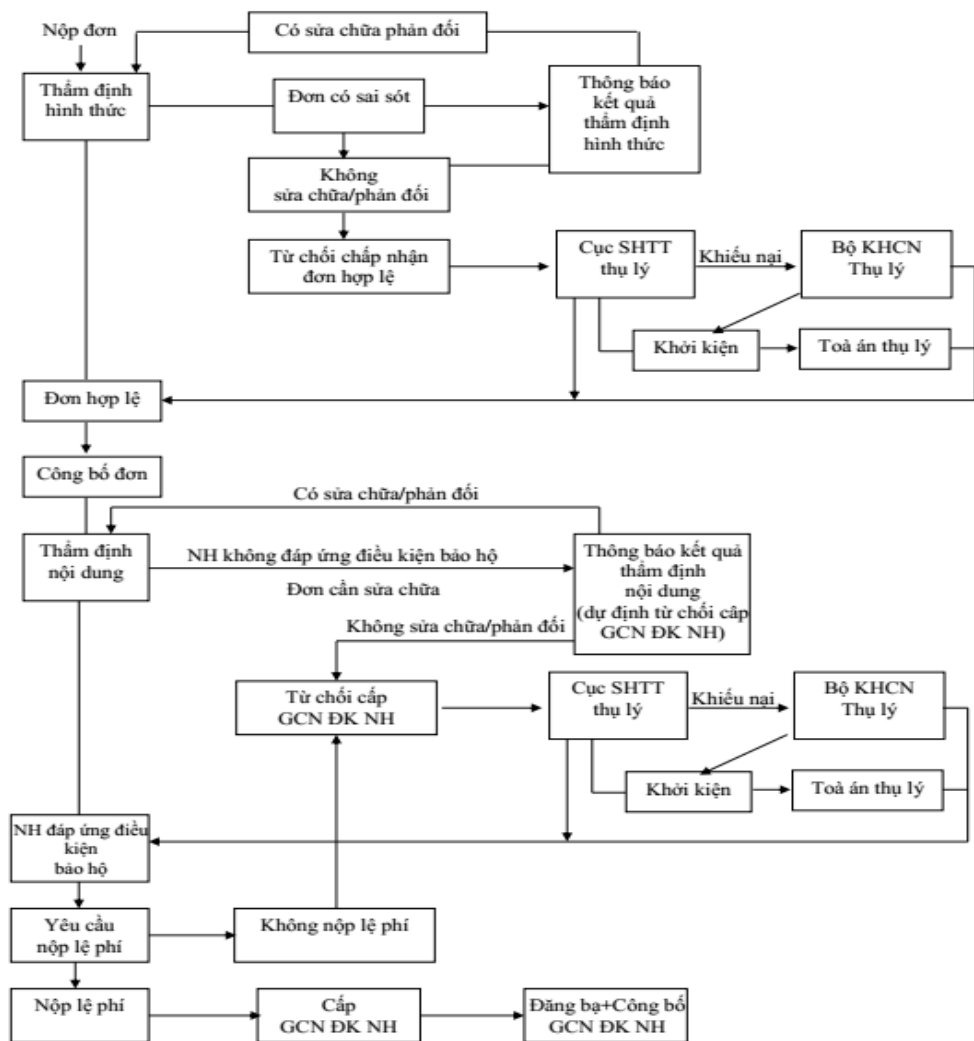
Phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM

273 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM.

Email: qlshtt.skhcn@tphcm.gov.vn

ĐT: (028) 38.298.217

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU



SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU (NH)
YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU (GCN ĐK NH)

PHỤ LỤC- Mẫu số A-04-NH

(Mẫu Tờ khai đăng ký nhãn hiệu)

Phụ lục A - Mẫu số: 04-NH

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Chủ đơn dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu*

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

| |
|--|
| <input type="checkbox"/> Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số: _____ Ngày nộp đơn: _____ |
| ① NHÃN HIỆU <p>Mẫu nhãn hiệu</p> <div style="border: 1px dashed black; width: 250px; height: 150px; margin: 5px 0;"></div> <p>Loại nhãn hiệu yêu cầu đăng ký</p> <p><input type="checkbox"/> Nhãn hiệu tập thể <input type="checkbox"/> Nhãn hiệu liên kết <input type="checkbox"/> Nhãn hiệu chứng nhận</p> <p>Mô tả nhãn hiệu:</p> <p>Màu sắc: _____ Mô tả: _____</p> |
| ② CHỦ ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu) <p>Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ Email: _____ <input type="checkbox"/> Ngoài chủ đơn khai tại mục này còn có những chủ đơn khác khai tại trang bổ sung</p> |
| ③ ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN |
| <p><input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của chủ đơn Mã đại diện: _____ <input type="checkbox"/> là người khác được ủy quyền của chủ đơn</p> <p>Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ Email: _____</p> |

Chú thích:

* Trong Tờ khai này, chủ đơn/đại diện của chủ đơn đánh dấu "x" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

-1-

④ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN

| ④ YÊU CẦU HƯỚNG QUYỀN ƯU TIÊN | CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGAY ƯU TIÊN | | |
|--|---|----------------|--------------|
| <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris <input type="checkbox"/> Theo thoả thuận khác: | Số đơn | Ngày nộp đơn | Nước nộp đơn |
| ⑤ PHÍ, LỆ PHÍ | | | |
| Loại phí, lệ phí | Số đối tượng tính phí | Số tiền | |
| <input type="checkbox"/> Lệ phí nộp đơn | đơn | | |
| <input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi) | nhóm sản phẩm/dịch vụ | | |
| <input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu hướng quyền ưu tiên | yêu cầu/đơn ưu tiên | | |
| <input type="checkbox"/> Phí công bố đơn | đơn | | |
| <input type="checkbox"/> Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn | nhóm | | |
| <input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi) <input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn | sản phẩm/dịch vụnhóm | | |
| <input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi) | sản phẩm/dịch vụ | | |
| Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là: | | | |
| Số chứng từ (trường hợp nộp qua bưu điện hoặc chuyển khoản): | | | |

| <p>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</p> | <p>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</p> |
|---|-----------------------------------|
| | <p>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> |
| <p>Tài liệu tối thiểu:</p> | |
| <p><input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm...trang x ...bản (có danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu)</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ)</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p>Tài liệu khác:</p> | |
| <p><input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền bằng tiếng <input type="checkbox"/> bản gốc</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> bản sao (<input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm trang</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận được phép sử dụng các dấu hiệu đặc biệt (biểu tượng, cờ, huy hiệu, con dấu...), gồm.....trang</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận quyền đăng ký nhãn hiệu</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Quy chế sử dụng NH tập thể/chứng nhận, gồm.....trang xbản</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên <input type="checkbox"/> Bản sao đơn đầu tiên, gồm.....bản <input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm.....bản <input type="checkbox"/> Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Bản đồ khu vực địa lý</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |
| <p><input type="checkbox"/> Có tài liệu bổ trợ khai tại trang bổ sung</p> | <p><input type="checkbox"/></p> |

Cán bộ nhận đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

⑨ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN

| |
|--|
| <p>⑦ DANH MỤC VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU** <i>(Ghi tuần tự từng nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ; sử dụng dấu “;” giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm/dịch vụ trong nhóm đó)</i></p> |
| <p>⑧ MÔ TẢ TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN (đối với nhãn hiệu chứng nhận)</p> <p><input type="checkbox"/> Nguồn gốc địa lý:</p> <p><input type="checkbox"/> Chất lượng:</p> <p><input type="checkbox"/> Đặc tính khác:</p> |
| <p>⑨ CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN</p> <p><i>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</i></p> <p style="text-align: right;"><i>Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm.....</i> Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn <i>(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i></p> |

Còn.....trang bổ sung

**Chú thích: Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.

PHỤ LỤC - Mẫu số B-01-SDD

(Mẫu Tờ khai sửa đổi đơn)

Phụ lục B - Mẫu số: 01-SDD

TỜ KHAI SỬA ĐỔI ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Chủ đơn dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp*

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

| | |
|--|--|
| ① CHỦ ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi đơn đăng ký đối tượng SHCN) | |
| Tên đầy đủ: | |
| Địa chỉ: | |
| Điện thoại: | Fax: E-mail: |
| ② ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN | |
| <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của chủ đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của chủ đơn | |
| Tên đầy đủ: | |
| Địa chỉ: | |
| Điện thoại: | Fax: E-mail: |
| ③ ĐƠN YÊU CẦU SỬA ĐỔI | Số đơn: |
| <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký sáng chế <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý | |
| ④ NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI | Đề nghị sửa lại thành: (Có thể dùng trang bổ sung, nếu cần) |
| <input type="checkbox"/> Tên chủ đơn <input type="checkbox"/> Địa chỉ của chủ đơn <input type="checkbox"/> Nội dung khác: | |

*Chú thích: Trong Tờ khai này, chủ đơn/đại diện của chủ đơn đánh dấu "x" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

-1-

⑦ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN

| PHÍ, LỆ PHÍ | | |
|--|---------------------------------------|---|
| Loại phí, lệ phí | Số đối tượng tính phí | Số tiền |
| <input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi đơn | ... nội dung sửa đổi (của mỗi đơn) | |
| <input type="checkbox"/> Phí công bố thông tin sửa đổi | đơn | |
| <input type="checkbox"/> Đơn có trên 1 hình (từ hình thứ 2 trở đi) | hình | |
| <input type="checkbox"/> Bản mô tả sáng chế có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi) | trang | |
| Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là: | | |
| Số chứng từ (trường hợp nộp qua bưu điện hoặc chuyển khoản): | | |
| ⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận việc sửa đổi hợp pháp, bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồmtrang <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh sự thay đổi chủ đơn do thừa kế, kế thừa <input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồmtrang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao (<input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể: | | KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> Cán bộ nhận đơn <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i> </div> |
| ⑦ CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN | | |
| <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm..... Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn <i>(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i></p> | | |

PHỤ LỤC - Mẫu số B-02-CND

(Mẫu Tờ khai chuyển nhượng đơn)

Phụ lục B - Mẫu số: 02-CGD

TỜ KHAI
YÊU CẦU GHI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN
ĐĂNG KÝ ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

| |
|--|
| DẤU NHẬN ĐƠN <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> |
|--|

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Chủ đơn dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận việc chuyển nhượng đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp*

| | | |
|---|------------------------------|----------------|
| ① CHỦ ĐƠN | | |
| (Tổ chức, cá nhân yêu cầu ghi nhận việc chuyển nhượng đơn) | | |
| Tên đầy đủ: | | |
| Địa chỉ: | | |
| Điện thoại: | Fax: | E-mail: |
| <input type="checkbox"/> là bên chuyển nhượng <input type="checkbox"/> là bên nhận chuyển nhượng | | |
| ② ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN | | |
| <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của chủ đơn | | |
| | | Mã đại diện: |
| <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của chủ đơn | | |
| Tên đầy đủ: | | |
| Địa chỉ: | | |
| Điện thoại: | Fax: | E-mail: |
| ③ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN CHỦ ĐƠN) | | |
| Tên đầy đủ: | | |
| Địa chỉ: | | |
| Điện thoại: | Fax: | E-mail: |
| ④ ĐƠN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG | | |
| <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký sáng chế <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký nhãn hiệu | Số đơn: | |
| ⑤ PHÍ, LỆ PHÍ | | |
| Loại phí, lệ phí | Số đối tượng tính phí | Số tiền |
| <input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu chuyển nhượng đơn | đơn | |
| <input type="checkbox"/> Phí công bố thông tin chuyển nhượng đơn | đơn | |
| Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là: | | |
| Số chứng từ (trường hợp nộp qua bưu điện hoặc chuyển khoản): | | |

* Chú thích: Trong Tờ khai này, chủ đơn/đại diện của chủ đơn đánh dấu "x" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

-1-

| |
|---------------------------------------|
| ⑦ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN |
|---------------------------------------|

PHÍ VÀ LỆ PHÍ PHẢI NỘP CÙNG VỚI ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

| Loại phí, lệ phí | Đối tượng tính phí | Số tiền VNĐ |
|--|--------------------------------------|-------------|
| 1. Lệ phí nộp đơn đăng ký nhãn hiệu | Mỗi đơn | 150.000 |
| Mỗi đơn có nhiều hơn 1 nhóm sản phẩm/dịch vụ | Mỗi nhóm từ thứ 2 trở đi | 100.000 |
| 2. Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu | Mỗi nhóm | 100.000 |
| Mỗi nhóm có nhiều hơn 6 sản phẩm/dịch vụ | Mỗi sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi | 20.000 |
| 3. Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên | Mỗi yêu cầu/đơn ưu tiên | 600.000 |
| 4. Phí công bố đơn | Mỗi đơn | 120.000 |
| Đơn có nhiều hơn 1 hình (nhãn hiệu 3 chiều) | Mỗi hình từ thứ 2 trở đi | 60.000 |
| 5. Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn | Mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ | 180.000 |
| Mỗi nhóm có nhiều hơn 6 sản phẩm/dịch vụ | Mỗi sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi | 30.000 |
| 6. Phí thẩm định đơn | Mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ | 550.000 |
| Mỗi nhóm có nhiều hơn 6 sản phẩm/dịch vụ | Mỗi sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi | 120.000 |

PHÍ VÀ LỆ PHÍ YÊU CẦU SỬA ĐỔI, CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN

| Loại phí, lệ phí | Đối tượng tính phí | Số tiền VNĐ |
|--|--|--------------------|
| 1. Phí thẩm định Yêu cầu sửa đổi đơn đăng ký nhãn hiệu | Mỗi nội dung sửa đổi trong mỗi đơn đăng ký | 160.000 |
| 2. Phí thẩm định Yêu cầu chuyển nhượng đơn đăng ký nhãn hiệu | Mỗi đơn đăng ký | 160.000 |
| 3. Phí công bố Yêu cầu sửa đổi/chuyển nhượng đơn đăng ký nhãn hiệu | Mỗi Yêu cầu | 120.000 |
| Có nhiều hơn 1 hình | Mỗi hình từ thứ 2 trở đi | 60.000 |

PHÍ VÀ LỆ PHÍ PHẢI NỘP ĐỂ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

| Loại phí, lệ phí | Đối tượng tính phí | Số tiền VNĐ |
|---|---|-------------|
| 1. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu | Giấy chứng nhận | 120.000 |
| Mỗi Giấy chứng nhận có trên 1 nhóm sản phẩm/dịch vụ | Mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ từ thứ 2 trở đi | 100.000 |
| 2. Phí công bố Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu | Giấy chứng nhận | 120.000 |
| Giấy chứng nhận có nhiều hơn 1 hình (nhãn hiệu 3 chiều) | Mỗi hình từ thứ 2 trở đi | 60.000 |
| 3. Phí đăng bạ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu | Giấy chứng nhận | 120.000 |
| 4. Phí sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho kỳ hạn hiệu lực đầu tiên (đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn) | Mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ | 700.000 |

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

244 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3932 2047

Email: skhcn@tphcm.gov.vn

Website: www.dost.hochiminhcity.gov.vn

Số lượng: 2.000 bản, Khổ: A5 (14,8 x 21cm)

In tại Công ty TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI JMARKLIFE

Địa chỉ: số 1039 Đường 3 Tháng 2, Phường 6, Quận 11, TP.HCM

Quyết định số 72/GP-STTTT, ngày 22 tháng 11 năm 2019

In xong và nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2019.

